

GRI 103: Năng lượng 2025

Ngày hiệu lực: Ngày 1 Tháng 1 Năm 2027

TIÊU CHUẨN THEO CHỦ ĐỀ

103

GRI 103: Năng lượng 2025

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Ngày Hiệu Lực

Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2027.

Trách nhiệm

Tiêu chuẩn này được [Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu \(GSSB\)](#) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ

Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn bản kiện liên chính phủ có thẩm quyền và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý

Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu

Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-142-6

Mục lục

Giới thiệu	4
1. Công bố thông tin quản lý chủ đề	7
Công bố thông tin 103-1 Chính sách và cam kết về năng lượng	7
2. Công bố thông tin theo chủ đề	10
Công bố thông tin 103-2 Việc tiêu thụ và tự sản xuất năng lượng trong tổ chức	10
Công bố thông tin 103-3 Mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn	15
Công bố thông tin 103-4 Cường độ năng lượng	17
Công bố thông tin 103-5 Mức giảm tiêu thụ năng lượng	19
Thuật ngữ	22
Tài liệu tham khảo	27
Phụ lục	28
Bảng 1. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin cho các mục 103-2-a, 103-2-b và 103-2-c	29
Bảng 2. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin cho mục 103-2-d	30
Bảng 3. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin về (các) tỷ lệ cường độ năng lượng	31

Giới thiệu

GRI 103: Năng lượng 2025 bao gồm các công bố thông tin để các tổ chức báo cáo về các tác động liên quan đến năng lượng và cách quản lý những tác động này.

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- **Phần 1** bao gồm một công bố thông tin, cung cấp thông tin về cách tổ chức quản lý các tác động liên quan đến năng lượng của mình.
- **Phần 2** bao gồm bốn công bố thông tin cung cấp thông tin về tác động liên quan đến năng lượng của tổ chức.
- **Bảng thuật ngữ** bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa.
- **Tài liệu tham khảo** liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày bối cảnh của chủ đề, tổng quan về hệ thống Bộ tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Bối cảnh của chủ đề

Tiêu chuẩn này đề cập đến chủ đề năng lượng.

Việc sử dụng năng lượng dẫn đến phát thải khí nhà kính (KNK) góp phần gây ra biến đổi khí hậu.

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đã cam kết chống biến đổi khí hậu, theo như nội dung trong Hiệp định Paris [2]. Theo Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) [1], mức làm nóng lên toàn cầu nên được giới hạn ở 1,5°C so với mức trước thời kỳ công nghiệp hóa. Không thể đảm bảo mức này nếu hệ thống năng lượng không giảm nhanh và sâu lượng phát thải KNK vào năm 2050. Do đó, các tổ chức phải thực hiện những thay đổi đáng kể về cách tiêu thụ năng lượng, bao gồm chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, điện khí hóa các ngành sử dụng năng lượng cuối cùng và loại bỏ dần nhiên liệu hóa thạch.

Các tổ chức tiêu thụ năng lượng dưới nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như nhiên liệu, điện, nhiệt, làm mát hoặc hơi nước. Năng lượng có thể do tổ chức tự sản xuất hoặc mua từ bên thứ ba và có nguồn gốc từ các nguồn tái tạo hoặc không tái tạo. Việc tiêu thụ năng lượng cũng diễn ra xuyên suốt các hoạt động thương mại và hạ nguồn đối với hoạt động của tổ chức. Trong đó có thể bao gồm việc người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm và việc xử lý cuối vòng đời các sản phẩm của tổ chức.

Việc tiêu thụ năng lượng và chuyển đổi sang năng lượng tái tạo có thể tạo tác động tiêu cực hoặc tích cực đến môi trường và con người, bao gồm cả quyền con người. Do đó, cần có các biện pháp trên toàn bộ chuỗi giá trị để hỗ trợ người lao động, cộng đồng địa phương, và các bên liên quan khác, đồng thời đảm bảo bảo vệ môi trường.

Các tác động tiêu cực đến môi trường có thể bao gồm biến đổi khí hậu do phát thải KNK từ việc tiêu thụ năng lượng, mất đa dạng sinh học do cơ sở hạ tầng năng lượng ảnh hưởng đến đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, cũng như ô nhiễm từ chất thải, tiêu biểu như các loại pin đã qua sử dụng. Tác động tiêu cực đến con người có thể xảy ra trong toàn bộ chuỗi giá trị và bao gồm tình trạng mất việc làm và khả năng tiếp cận hạn chế đối với nguồn năng lượng giá phải chăng, đáng tin cậy và bền vững. Tác động tích cực bao gồm cải thiện chất lượng cuộc sống thông qua khả năng tiếp cận năng lượng và nâng cao cơ hội việc làm thông qua đào tạo và đào tạo thêm kỹ năng cho người lao động.

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI hướng dẫn tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem **Hình 1** trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3

GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo **GRI 1**.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định **các chủ đề trọng yếu**. Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

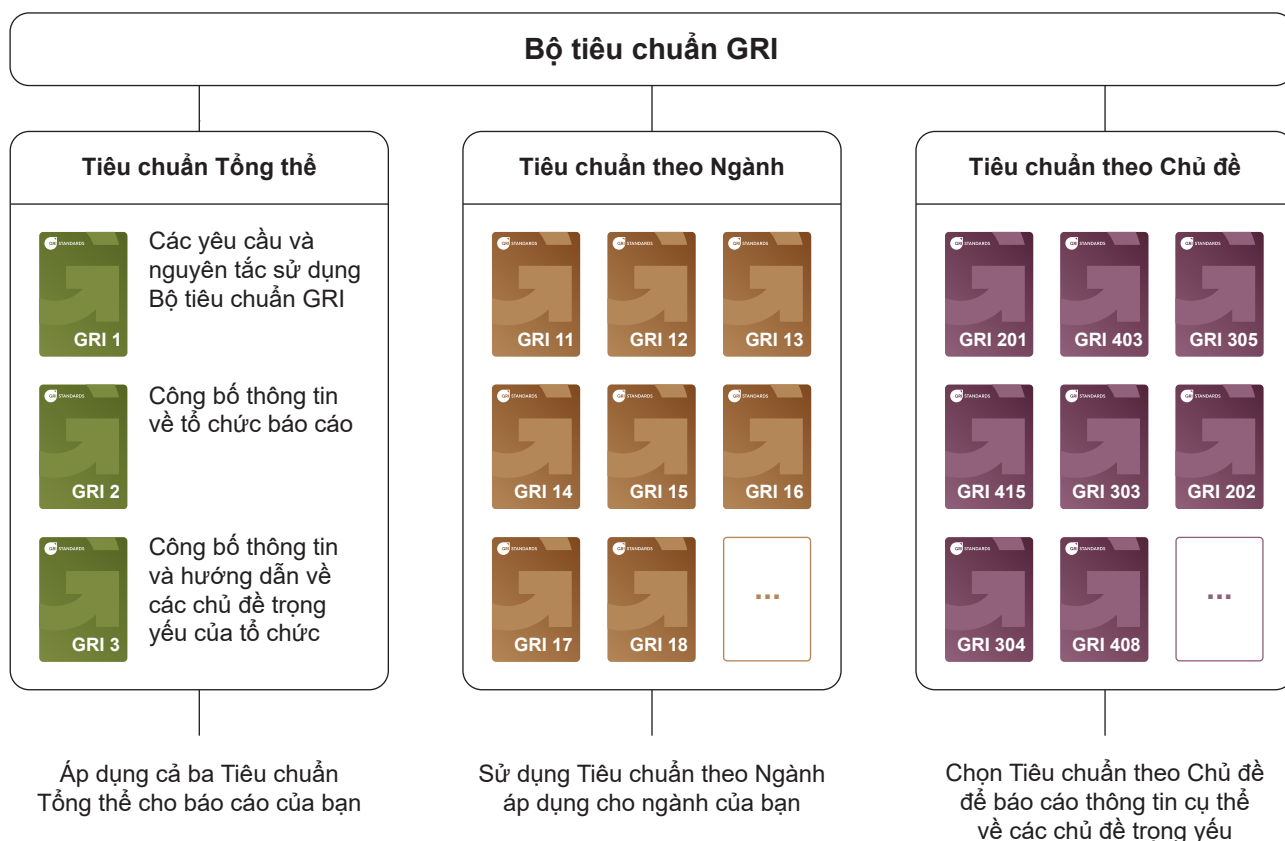
Tiêu chuẩn theo Ngành

Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua **GRI 3**.

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ đề



Sử dụng Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào – bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề, vị trí địa lý hoặc kinh nghiệm báo cáo – để công bố thông tin về các tác động liên quan đến năng lượng của tổ chức đó. Ngoài Tiêu chuẩn này, các công bố thông tin liên quan đến chủ đề này còn có trong **GRI 101: Đa dạng sinh học 2024** và **GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025**.

Tổ chức báo cáo theo Bộ tiêu chuẩn GRI phải báo cáo các công bố thông tin sau nếu đã xác định năng lượng là một chủ đề trọng yếu:

- *Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021.*
- Bất kỳ công bố thông tin nào từ Tiêu chuẩn theo Chủ đề này về tác động liên quan đến năng lượng của tổ chức (Công bố thông tin 103-1 đến Công bố thông tin 103-5).

Xem *Các yêu cầu 4 và 5 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*.

Có thể đưa ra lý do để lược bỏ những công bố thông tin này.

Nếu không thể tuân thủ việc công bố thông tin hoặc yêu cầu trong việc công bố thông tin (ví dụ: vì thông tin cần công bố là thông tin bảo mật hoặc bị pháp luật cấm), tổ chức phải nêu rõ mục công bố thông tin hoặc yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ và đưa ra lý do lược bỏ kèm theo lời giải thích trong chỉ mục nội dung GRI. Xem phần *Yêu cầu 6 trong GRI 1* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể báo cáo thông tin bắt buộc về một mục được chỉ định trong công bố thông tin vì mục đó (ví dụ: ủy ban, chính sách, thông lệ, quy trình) không tồn tại, tổ chức có thể tuân thủ yêu cầu bằng cách báo cáo tình huống thực tế đó. Tổ chức có thể giải thích lý do không có mục này hoặc trình bày bất kỳ kế hoạch nào để phát triển mục này. Việc công bố thông tin không yêu cầu tổ chức phải thực hiện mục đó (ví dụ: xây dựng chính sách) nhưng phải báo cáo mục đó không tồn tại.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Các yêu cầu, hướng dẫn và các thuật ngữ được định nghĩa

Những nội dung sau đây được áp dụng trong toàn bộ Tiêu chuẩn này:

Các yêu cầu bắt buộc được trình bày bằng phong **chữ in đậm** và được biểu thị bằng từ “cần phải”. Tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Yêu cầu bắt buộc có thể kèm theo hướng dẫn.

Hướng dẫn bao gồm thông tin bối cảnh, giải thích và ví dụ để giúp tổ chức hiểu rõ hơn về các yêu cầu.

Tổ chức không bắt buộc phải tuân thủ hướng dẫn. Tiêu chuẩn cũng có thể bao gồm các khuyến nghị. Đây là những tình huống trong đó một hành động cụ thể được khuyến khích nhưng không bắt buộc phải thực hiện.

Từ “nên” biểu thị khuyến nghị, còn từ “có thể” biểu thị khả năng hoặc lựa chọn.

Các thuật ngữ được định nghĩa sẽ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết với định nghĩa tương ứng trong [Bảng thuật ngữ](#). Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo cách tổ chức quản lý từng chủ đề trọng yếu của mình.

Tổ chức xác định năng lượng là chủ đề trọng yếu phải báo cáo cách quản lý chủ đề này theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#). Tổ chức cũng phải báo cáo mọi nội dung công bố thông tin từ phần này (Công bố thông tin 103-1) về các tác động liên quan đến năng lượng của mình.

Do đó, phần này được soạn thảo để bổ sung chứ không thay thế Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3.

Công bố thông tin 103-1 Chính sách và cam kết về năng lượng

YÊU CẦU Tổ chức cần phải:

- trình bày cách các chính sách và cam kết liên quan đến năng lượng góp phần làm giảm mức tiêu thụ năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo;
- trình bày tác động đến nền kinh tế, môi trường và con người có thể phát sinh từ việc tiêu thụ năng lượng và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn về 103-1-a

Yêu cầu này đề cập đến các chính sách và cam kết được áp dụng cho các hoạt động của tổ chức cũng như chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn.

Ví dụ về chính sách liên quan đến năng lượng góp phần tiết kiệm năng lượng và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo bao gồm các chính sách về:

- tiết kiệm năng lượng (ví dụ: xây dựng các thông lệ tiết kiệm năng lượng tại nơi làm việc);
- việc sử dụng năng lượng tái tạo, bao gồm việc mua các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng (ví dụ: chứng nhận thuộc tính năng lượng [EAC], chứng nhận điện tái tạo [REC], hợp đồng mua điện và các sản phẩm điện thân thiện với môi trường);
- việc nhà cung cấp sử dụng năng lượng tái tạo;
- việc chuyển đổi công bằng (ví dụ: đào tạo người lao động về quyền đối với đất đai).

Tổ chức nên giải thích mối liên hệ giữa các chính sách và cam kết liên quan đến năng lượng của mình với các quy định về năng lượng hiện hành ở cấp quốc gia, khu vực hoặc ngành.

Ngoài ra, tổ chức nên báo cáo các chính sách và cam kết liên quan đến năng lượng của mình có phù hợp với bằng chứng khoa học mới nhất về nỗ lực cần thiết để hạn chế mức làm nóng lên toàn cầu ở 1,5°C hay không và phù hợp như thế nào.

Tổ chức nên báo cáo các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mình nhằm:

- giảm mức năng lượng tiêu thụ;
- tiết kiệm năng lượng hơn; và
- chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo, bao gồm việc có xem xét các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng trong khi thiết lập và giám sát chỉ tiêu năng lượng tái tạo hay không và xem xét như thế nào.

Tổ chức cũng nên trình bày cách thức các hoạt động tương tác với các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở cho các chính sách và cam kết liên quan đến năng lượng của tổ chức, bao gồm:

- cách tổ chức xác định các bên liên quan, bao gồm việc tổ chức có thực hiện đánh giá tác động về xã hội hay không, những người mà quyền con người, sức khỏe, phúc lợi kinh tế, xã

hội hoặc các lợi ích khác của họ có thể bị ảnh hưởng, bao gồm các nhóm có nguy cơ hoặc nhóm dễ bị tổn thương;

- cách làm việc với các bên liên quan đã xác định, đại diện của các bên liên quan đáng tin cậy hoặc các tổ chức ủy quyền để hiểu mối quan ngại và lợi ích của họ;
- cách thông tin chi tiết từ hoạt động tương tác với các bên liên quan, bao gồm từ người lao động, công đoàn, các đại diện của người lao động, nhà cung cấp, Người Bản địa, cộng đồng địa phương và chính phủ được sử dụng để đưa ra các hành động nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ tác động tiêu cực và tối đa hóa tác động tích cực.

Công bố thông tin 2-29 trong GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm phương pháp tiếp cận để làm việc với các bên liên quan. Nếu đã trình bày cách hoạt động tương tác với các bên liên quan cung cấp thông tin cho việc phát triển và thực hiện các chính sách và cam kết liên quan đến năng lượng theo Công bố thông tin 2-29, tổ chức có thể tham chiếu đến thông tin này.

Tổ chức nên báo cáo mọi khoản đầu tư được phân bổ cho việc giảm mức tiêu thụ năng lượng, tiết kiệm năng lượng (ví dụ: cải thiện hệ thống sưởi, làm lạnh và điều hòa không khí) và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo (ví dụ: đầu tư vào công nghệ chuyển đổi năng lượng, năng lượng tái tạo và thiết kế lại sản phẩm, quy trình hoặc dịch vụ).

Hướng dẫn về 103-1-b

Yêu cầu này giúp tổ chức trình bày các tác động đến nền kinh tế, môi trường và con người có thể phát sinh từ việc tiêu thụ năng lượng và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo trong các hoạt động và mối quan hệ kinh doanh. Những tác động này có thể là kết quả phát sinh từ hoạt động sản xuất năng lượng.

Trong trường hợp tự sản xuất năng lượng, tác động là kết quả phát sinh từ các hoạt động của tổ chức. Trong trường hợp mua năng lượng, tác động là kết quả phát sinh từ mối quan hệ kinh doanh của tổ chức với nhà cung cấp (ví dụ: nhà cung cấp năng lượng).

Tác động đến con người bao gồm tác động đến người lao động, cộng đồng địa phương và các nhóm dễ bị tổn thương, chẳng hạn như Người Bản địa. Tác động tích cực đến con người có thể bao gồm cải thiện chất lượng cuộc sống thông qua việc sưởi ấm, chiếu sáng và tạo điều kiện di chuyển, tuyển dụng người lao động hoặc tạo ra kỹ năng bằng cách đào tạo người lao động để hỗ trợ chuyển đổi sang tiêu thụ năng lượng tái tạo. Tác động tiêu cực có thể bao gồm mất việc làm do chuyển sang năng lượng tái tạo, rủi ro về sức khỏe và an toàn phát sinh từ ô nhiễm không khí do đốt nhiên liệu hóa thạch và vi phạm quyền sử dụng đất trong quá trình thu hồi đất để sản xuất năng lượng.

Tác động đến môi trường có thể bao gồm tác động đến đa dạng sinh học và tình trạng ô nhiễm. Tác động tích cực có thể bao gồm cơ sở hạ tầng liên quan đến năng lượng, chẳng hạn như các trang trại điện gió ngoài khơi, đóng vai trò là nơi trú ẩn cho cá và động vật có vú biển. Tác động tiêu cực của việc phát triển cơ sở hạ tầng liên quan đến năng lượng có thể bao gồm tổn hại đối với môi trường sống của các loài do thay đổi mục đích sử dụng đất và biển, cũng như tình trạng ô nhiễm – bao gồm bụi, chất thải, tiếng ồn và ánh sáng – từ việc xây dựng, ngừng hoạt động và tái cung cấp năng lượng cho cơ sở hạ tầng, chẳng hạn như nhà máy điện mặt trời.

Để biết thêm thông tin về tác động đến đa dạng sinh học, hãy xem tham chiếu [3] trong phần Tài liệu tham khảo.

Tổ chức nên trình bày các hành động được thực hiện để quản lý những tác động có thể phát sinh từ việc tiêu thụ năng lượng và chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo.

Ví dụ về hành động mà tổ chức thực hiện để quản lý những tác động phát sinh từ hoạt động sản xuất năng lượng bao gồm:

- sử dụng hoặc tăng cường đòn bẩy của tổ chức bằng cách thực hiện các yêu cầu theo hợp đồng về cung cấp năng lượng;

- thực hiện các biện pháp khuyến khích như cam kết đơn hàng trong tương lai;
- hợp tác tích cực với các bên liên quan khác để khuyến khích nhà cung cấp năng lượng nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động tiêu cực có thể xảy ra.

Ví dụ về hành động quản lý tác động đến đa dạng sinh học bao gồm:

- lựa chọn địa điểm và lập kế hoạch dự án cẩn thận đồng thời sử dụng đất đã được chuyển đổi hoặc bị tác động trước đó;
- thực hiện các biện pháp tại các trang trại điện gió để giảm nguy cơ xảy ra sự cố va chạm cánh tua-bin, chẳng hạn như sử dụng thiết bị xua đuổi chim bằng âm thanh và tăng khả năng nhận diện của tua-bin gió.

Tổ chức có thể tham khảo [Công bố thông tin 101-2 trong GRI 101: Đa dạng sinh học 2024](#) để báo cáo các biện pháp được thực hiện để quản lý tác động đến đa dạng sinh học.

2. Công bố thông tin theo chủ đề

Tổ chức báo cáo theo Bộ tiêu chuẩn GRI phải báo cáo mọi nội dung công bố thông tin từ phần này (Công bố thông tin 103-2 đến Công bố thông tin 103-5) về các tác động liên quan đến năng lượng của mình.

Công bố thông tin 103-2 Việc tiêu thụ và tự sản xuất năng lượng trong tổ chức

YÊU CẦU

Tổ chức cần phải:

- a. báo cáo tổng mức tiêu thụ nhiên liệu trong tổ chức tính theo đơn vị jun (J), watt-giờ (Wh) hoặc bội số của các đơn vị này, và phân tích chi tiết tổng này theo:
 - i. nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo;
 - ii. mỗi hoạt động tiêu thụ nhiên liệu chia theo từng nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo;
- b. báo cáo tổng mức tiêu thụ điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mua vào trong tổ chức tính theo đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị này, và phân tích chi tiết tổng này theo:
 - i. nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo;
 - ii. mức tiêu thụ điện, nhiệt, làm mát và hơi nước đối với từng nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo;
- c. báo cáo tổng mức tiêu thụ điện, nhiệt, làm mát và hơi nước bằng năng lượng tái tạo tự sản xuất trong tổ chức tính theo đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị này, và phân tích chi tiết tổng này theo mức tiêu thụ điện, nhiệt, làm mát và hơi nước trong từng hoạt động tiêu thụ đối với từng nguồn năng lượng tái tạo;
- d. báo cáo tổng lượng điện tự sản xuất, nhiệt, làm mát và hơi nước được bán tính theo đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị đó, và phân tích chi tiết tổng này theo:
 - i. nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo;
 - ii. lượng điện, nhiệt, làm mát và hơi nước được bán đối với từng nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo;
- e. báo cáo việc các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng có được sử dụng để công bố thông tin về mức tiêu thụ điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mua vào hay không và nếu có, hãy trình bày cách các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng tuân thủ các tiêu chí chất lượng để đảm bảo tính chính xác và nhất quán;
- f. báo cáo các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng, bao gồm cả nguồn gốc của các hệ số chuyển đổi được sử dụng.

HƯỚNG DẪN

Xuyên suốt hướng dẫn này, điện, nhiệt, làm mát và hơi nước được gọi chung là “điện” theo *Hướng dẫn cho Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK [5]*. Trong các khung khác, “điện” có thể được gọi là “năng lượng phi nhiên liệu”.

Tổ chức có thể tiêu thụ năng lượng dưới dạng nhiên liệu (103-2-a) hoặc điện, trong đó tổ chức báo cáo riêng mức tiêu thụ năng lượng từ điện mua vào (103-2-b) và điện tự sản xuất từ các nguồn tái tạo (103-2-c).

Năng lượng có thể được mua từ bên thứ ba hoặc do tổ chức sản xuất (tự sản xuất). Năng lượng có thể đến từ nguồn tái tạo hoặc không tái tạo.

Để xem ví dụ về cách trình bày thông tin về các yêu cầu trong Công bố thông tin 103-2, hãy tham khảo [Bảng 1](#) và [Bảng 2](#).

Tổ chức có thể báo cáo tổng mức tiêu thụ năng lượng trong tổ chức bằng tổng của các mục 103-2-a, 103-2-b và 103-2-c. Tổ chức cũng có thể báo cáo tổng mức tiêu thụ năng lượng ròng bằng cách trừ lượng điện đã bán (103-2-d) khỏi tổng mức tiêu thụ năng lượng trong tổ chức (103-2-a + 103-2-b + 103-2-c).

Tổ chức cũng có thể lưu trữ hoặc mua năng lượng thông qua các hệ thống lưu trữ năng lượng cụ thể (ví dụ: hydro) và hệ thống lưu trữ năng lượng (ví dụ: pin). Khi tổ chức tiêu thụ năng lượng từ các phương tiện trữ năng lượng hoặc hệ thống lưu trữ, mức tiêu thụ này được báo cáo theo các mục 103-2-a, 103-2-b hoặc 103-2-c. Nếu tổ chức bán điện từ các phương tiện trữ năng lượng hoặc hệ thống lưu trữ, lượng điện bán ra này được báo cáo theo mục 103-2-d. Khi tiêu thụ hoặc bán năng lượng từ các phương tiện trữ năng lượng hoặc hệ thống lưu trữ, tổ chức sẽ báo cáo thông tin được yêu cầu trong công bố thông tin này theo nguồn năng lượng sơ cấp ban đầu. Ví dụ: nếu nguồn năng lượng sơ cấp của phương tiện trữ năng lượng là khí tự nhiên và phương tiện trữ năng lượng được sử dụng làm nhiên liệu, thì mức tiêu thụ năng lượng từ phương tiện trữ năng lượng sẽ được báo cáo là mức tiêu thụ nhiên liệu từ các nguồn không tái tạo. Tổ chức nên báo cáo mọi thông tin theo bối cảnh về nguồn năng lượng sơ cấp của phương tiện trữ năng lượng, ví dụ như các chương trình của chính phủ (ví dụ: trợ cấp sản xuất hydro) hỗ trợ việc sản xuất hoặc các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng có liên quan.

Trong trường hợp việc này giúp tăng tính minh bạch hoặc khả năng so sánh theo thời gian, tổ chức có thể phân tích chi tiết mức tiêu thụ năng lượng theo nhiều lựa chọn, ví dụ:

- đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
- quốc gia.

Hướng dẫn về 103-2-a

Yêu cầu này đề cập đến mức tiêu thụ nhiên liệu từ nhiên liệu do tổ chức mua và nhiên liệu tự sản xuất, chẳng hạn như nhiên liệu từ khai thác than, khai thác dầu khí hoặc sản xuất nhiên liệu sinh học. Tổ chức có thể báo cáo riêng mức tiêu thụ nhiên liệu mua vào và nhiên liệu tự sản xuất.

Việc tiêu thụ nhiên liệu từ các nguồn năng lượng không tái tạo thường góp phần vào lượng phát thải KNK Phạm vi 1, được báo cáo theo [Công bố thông tin 102-5 trong GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025](#).

Mức tiêu thụ điện tự sản xuất từ nhiên liệu được tính vào mức tiêu thụ nhiên liệu (103-2-a). Ví dụ: nếu tổ chức có hệ thống đồng phát đốt nhiên liệu không tái tạo để sản xuất điện và sau đó tiêu thụ điện đã sản xuất thì lượng tiêu thụ này được tính một lần vào mức tiêu thụ nhiên liệu.

Hướng dẫn về 103-2-a-i

Việc tiêu thụ nhiên liệu từ các nguồn tái tạo có thể bao gồm nhiên liệu sinh học mua vào hoặc tự sản xuất từ sinh khối do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát (bao gồm cả chất thải công nghiệp có nguồn gốc sinh học).

Việc tiêu thụ nhiên liệu từ các nguồn không tái tạo có thể bao gồm xăng và khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) được sử dụng để đốt trong lò hơi, lò nung, lò sưởi, tua-bin, đuốc đốt, lò đốt rác, máy phát điện và phương tiện do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát.

Hướng dẫn về 103-2-a-ii

Yêu cầu này nhằm xác định những động lực chính thúc đẩy mức tiêu thụ nhiên liệu của tổ chức. Để tuân thủ yêu cầu này, tổ chức có thể báo cáo, ví dụ phân tích chi tiết năm hoạt động tiêu thụ

nhiều nhiên liệu nhất và kết hợp các hoạt động còn lại vào phân loại “khác”.

Ví dụ về các hoạt động tiêu thụ nhiên liệu bao gồm quy trình sản xuất, vận hành thiết bị văn phòng, vận hành đội xe, sưởi ấm các tòa nhà, cũng như thực hiện nghiên cứu và phát triển.

Hướng dẫn về 103-2-b, 103-2-c và 103-2-d

Theo *Hướng dẫn cho Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK [5]*, định nghĩa về điện, nhiệt, làm mát và hơi nước có thể bao gồm:

- Điện được sử dụng để vận hành máy móc, chiếu sáng, sạc xe điện hoặc hệ thống tạo nhiệt và làm mát.
- Hệ thống tạo nhiệt cho các tòa nhà thương mại hoặc công nghiệp để kiểm soát không khí bên trong và đun nước. Nhiều quy trình công nghiệp cũng cần nhiệt cho các thiết bị cụ thể.
- Làm mát được thực hiện thông qua việc phân phối không khí hoặc nước mát.
- Hơi nước được sử dụng cho công việc cơ khí, nhiệt hoặc trực tiếp làm môi trường xử lý.

Việc tiêu thụ điện từ các nguồn tái tạo có thể bao gồm gió và mặt trời. Việc tiêu thụ điện từ các nguồn không tái tạo có thể bao gồm than đá, dầu mỏ và khí tự nhiên.

Hướng dẫn về 103-2-b

Yêu cầu này đề cập đến việc tiêu thụ điện mua vào từ các nguồn năng lượng tái tạo và nguồn năng lượng không tái tạo.

Trong yêu cầu này, mức tiêu thụ điện mua vào cũng đề cập đến các trường hợp trong đó tổ chức gián tiếp mua và tiêu thụ điện (ví dụ: với tư cách là người thuê bất động sản).

Các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng có thể cung cấp thông tin phân tích chi tiết điện mua vào từ các nguồn tái tạo và không tái tạo theo 103-2-b-i. Ví dụ về các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng bao gồm chứng nhận thuộc tính năng lượng (EAC), chứng nhận điện tái tạo (REC), hợp đồng mua điện và các sản phẩm điện thân thiện với môi trường. Công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng có thể hữu ích khi những khác biệt trong phương pháp hoạch toán giữa các quốc gia gây khó khăn cho việc báo cáo phân tích này một cách nhất quán.

Tổ chức nên báo cáo mức tiêu thụ điện mua vào từ các nguồn tái tạo được tính dựa vào dữ liệu lưới điện trung bình (dữ liệu theo vị trí) hay công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng (dữ liệu theo thị trường). Tổ chức nên báo cáo cách mua điện từ lưới điện (ví dụ: từ đơn vị điện lực, nhà cung cấp dịch vụ bán lẻ hay mua thông qua thị trường bán buôn). Ngoài ra, tổ chức nên báo cáo tỷ lệ phần trăm các nguồn năng lượng trong lưới điện nơi tổ chức mua điện, ví dụ: 50% từ gió và 50% từ khí tự nhiên. Nếu có thể, tổ chức nên báo cáo loại công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng mà tổ chức sử dụng (ví dụ: hợp đồng mua điện, biểu giá điện thân thiện với môi trường của điện lực hoặc chứng nhận riêng), cũng như số lượng và tỷ lệ phần trăm trên tổng lượng điện năng mua ngoài được đảm bảo bởi mỗi loại công cụ đó.

Dựa vào *Hướng dẫn cho Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK [5]*, tiêu chí chất lượng áp dụng cho tất cả các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng để đảm bảo tính chính xác và tính nhất quán của báo cáo (hãy tham khảo [Hướng dẫn 102-6-a](#) để biết thêm thông tin).

Tổ chức có thể báo cáo thông tin bổ sung về các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng, ví dụ:

- ngày cơ sở sản xuất điện tái tạo đi vào hoạt động hoặc được tái cấp điện;
- cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo có nhận được trợ cấp của chính phủ hay hỗ trợ khác hay không;
- thời hạn của hợp đồng đối với các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng;
- hợp đồng có được ký trước khi quyết định đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo hay không.

Việc tiêu thụ điện mua vào góp phần vào lượng phát thải KNK Phạm vi 2, được báo cáo theo

Công bố thông tin 102-6 trong *GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025*.

Hướng dẫn về 103-2-c

Yêu cầu này bao gồm việc tiêu thụ điện tự sản xuất từ các nguồn năng lượng tái tạo (ví dụ: gió, mặt trời).

Khi tổ chức sản xuất điện từ nhiên liệu được tiêu thụ và sau đó sử dụng điện đã sản xuất thì mức tiêu thụ năng lượng được tính một lần theo 103-2-a.

Mức tiêu thụ điện tái tạo tự sản xuất không bao gồm điện trong các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng đã được bán đi.

Việc phân tích chi tiết bắt buộc theo hoạt động nhằm mục đích xác định các động lực chính thúc đẩy mức tiêu thụ điện trong tổ chức. Để tuân thủ yêu cầu này, tổ chức có thể báo cáo, ví dụ phân tích chi tiết năm hoạt động tiêu thụ nhiều điện nhất và kết hợp các hoạt động còn lại vào phân loại “khác”.

Ví dụ về các hoạt động tiêu thụ điện bao gồm quy trình sản xuất, vận hành thiết bị văn phòng, vận hành đội xe, sưởi ấm các tòa nhà và thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Hướng dẫn về 103-2-d

Khi bán điện tái tạo tự sản xuất, tổ chức nên báo cáo có bán bất kỳ công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng liên kết nào hay không. Tổ chức cũng nên báo cáo phân tích chi tiết về điện tái tạo tự sản xuất đã bán cùng:

- các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng; hoặc
- các thuộc tính được giữ lại.

Bảng 2 đưa ra ví dụ cách trình bày thông tin về điện tự sản xuất đã bán. Tổ chức có thể chỉnh sửa bảng theo thực tiễn của mình.

Hướng dẫn về 103-2-e

Các tiêu chí chất lượng sau đây được xây dựng theo *Hướng dẫn cho Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK* [5], áp dụng cho các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng (ví dụ: EAC):

- Công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng phải truyền tải thuộc tính về tỷ lệ phát thải KNK liên quan đến điện đã sản xuất tương ứng. Thuộc tính được định nghĩa là đặc điểm mô tả hoặc hiệu quả hoạt động của một nguồn tài nguyên sản xuất điện cụ thể. Mỗi công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng phải là nguồn duy nhất có tuyên bố về thuộc tính tỷ lệ phát thải KNK liên quan đến lượng năng lượng đã sản xuất.
- Công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng phải được theo dõi và sử dụng, chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ bởi hoặc thay mặt cho tổ chức báo cáo.
- Công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng phải được phát hành và chuyển đổi gần thời điểm tiêu thụ năng lượng được áp dụng công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng đó nhất có thể.
- Công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng phải có nguồn gốc từ cùng thị trường mà chúng được áp dụng.

Tổ chức cũng nên trình bày nỗ lực tạo ra mối liên hệ về mặt thời gian và vật lý giữa các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng và mức tiêu thụ năng lượng tương ứng. Ví dụ: công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng có thể có nguồn gốc từ cùng một lưới điện hoặc quốc gia nơi chúng được áp dụng và công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng có thể được phát hành theo cơ chế đối sánh theo giờ.

Nếu sử dụng dữ liệu từ các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng (ví dụ: EAC) để báo cáo lượng điện tự sản xuất được bán ra, tổ chức nên báo cáo cách đảm bảo các công cụ chuyển nhượng theo hợp đồng tuân thủ các tiêu chí chất lượng hiện hành.

Để biết thêm thông tin về tiêu chí chất lượng và cách hỗ trợ kế toán chính xác nếu tổ chức không thể đáp ứng tiêu chí, hãy xem tham chiếu [5] trong phần [Tài liệu tham khảo](#).

Hướng dẫn về 103-2-f

Tổ chức nên giải thích lý do lựa chọn các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng.

Tổ chức nên:

- áp dụng nhất quán các hệ số chuyển đổi cho tất cả dữ liệu được công bố;
- sử dụng các hệ số chuyển đổi thể hiện đúng nhất lượng năng lượng cụ thể của nhiên liệu để chuyển đổi sang đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị này. Ví dụ: tổ chức nên sử dụng hệ số chuyển đổi cho than bitum thay vì than thông thường khi báo cáo mức tiêu thụ năng lượng từ than bitum.

[Bảng 1](#) đưa ra ví dụ cách trình bày thông tin về mức tiêu thụ năng lượng trong tổ chức. Tổ chức có thể chỉnh sửa bảng theo thực tiễn của mình

Công bố thông tin 103-3 Mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn

YÊU CẦU

Tổ chức cần phải:

- báo cáo tổng mức tiêu thụ năng lượng đáng kể trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của mình tính theo đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị này, và liệt kê các phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể;**
- báo cáo các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng, bao gồm nguồn của các hệ số chuyển đổi được sử dụng.**

HƯỚNG DẪN

Công bố thông tin này đề cập đến mức tiêu thụ năng lượng từ các hoạt động bên ngoài tổ chức và bao gồm chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn.

Việc tiêu thụ các nguồn năng lượng không tái tạo ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị của tổ chức góp phần vào lượng phát thải KNK Phạm vi 3 của tổ chức, được báo cáo theo [Công bố thông tin 102-7 trong GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025](#).

Hướng dẫn về 103-3-a

Để tổng hợp thông tin theo yêu cầu của 103-3-a, tổ chức có thể thực hiện theo các bước sau:

- Xác định hoạt động trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể.
- Cộng tổng mức tiêu thụ năng lượng của những hoạt động này.
- Phân loại các hoạt động có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể theo các phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn được liệt kê bên dưới.
- Liệt kê các phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn.

Tổ chức nên phân tích chi tiết tổng mức tiêu thụ năng lượng đáng kể trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn theo từng phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể. Để tổng hợp thông tin này, tổ chức có thể thực hiện theo các bước sau:

- Tham khảo danh sách các phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể.
- Đối với mỗi phân loại, hãy báo cáo mức tiêu thụ năng lượng.

Tổ chức có thể xác định hoạt động trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của mình có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể bằng cách đánh giá mức tiêu thụ năng lượng của hoạt động đó:

- có góp phần đáng kể vào tổng mức tiêu thụ năng lượng trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức hay không;
- có tiềm năng cho các biện pháp cắt giảm mà tổ chức có thể thực hiện hoặc gây ảnh hưởng hay không;
- có góp phần gây biến đổi khí hậu do hoạt động phát thải cao hay không;
- có được coi là vấn đề trọng yếu bởi các bên liên quan như các tổ chức xã hội dân sự, khách hàng, nhà đầu tư hoặc nhà cung cấp;
- có phải phát sinh do thuê ngoài hoạt động mà trước đó được thực hiện bằng nguồn lực nội bộ, hoặc các hoạt động thường được thực hiện bằng nguồn lực nội bộ bởi các tổ chức khác trong cùng ngành hay không;
- có được xác định là đáng kể đối với ngành của tổ chức hay không;
- có đáp ứng các tiêu chí bổ sung để xác định mức độ liên quan do tổ chức hoặc ngành của tổ chức lập ra hay không.

Mức tiêu thụ năng lượng đáng kể trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức bao gồm mức tiêu thụ năng lượng đáng kể cho từng phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn sau đây từ *Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK [4]*:

Phân loại ở thượng nguồn

1. Hàng hóa và dịch vụ đã mua
2. Tài sản cố định
3. Các hoạt động liên quan đến nhiên liệu và năng lượng (không bao gồm trong [Công bố thông tin 103-2](#))
4. Hoạt động vận chuyển và phân phối thượng nguồn
5. Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động
6. Đi công tác
7. Nhân viên đi lại
8. Tài sản cho thuê ở thượng nguồn

Phân loại ở hạ nguồn

9. Hoạt động vận chuyển và phân phối hạ nguồn
10. Xử lý sản phẩm đã bán
11. Sử dụng sản phẩm đã bán
12. Xử lý khi kết thúc vòng đời sản phẩm đã bán
13. Tài sản cho thuê ở hạ nguồn
14. Nhượng quyền thương mại
15. Đầu tư

Tổ chức nên sử dụng mọi thông tin hợp lý và có thể chứng minh được tại ngày báo cáo để đo lường mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn.

Tổ chức nên báo cáo riêng mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn cho các nguồn năng lượng tái tạo và nguồn năng lượng không tái tạo.

Nếu không thể sử dụng dữ liệu sơ cấp để tính mức tiêu thụ năng lượng đáng kể ở thượng nguồn và hạ nguồn, tổ chức có thể ước tính mức tiêu thụ. Dữ liệu chính thu được từ các nhà cung cấp hoặc các thực thể khác trong chuỗi giá trị liên quan đến hoạt động của tổ chức. Tổ chức nên báo cáo mức sử dụng ước tính theo phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn cũng như tỷ lệ dữ liệu ước tính cho từng phân loại.

Hướng dẫn về 103-3-b

Tổ chức nên giải thích lý do lựa chọn các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng.

Tổ chức nên:

- áp dụng nhất quán các hệ số chuyển đổi cho tất cả dữ liệu được công bố;
- sử dụng các hệ số chuyển đổi thể hiện đúng nhất lượng năng lượng cụ thể của nhiên liệu để chuyển đổi sang đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị này. Ví dụ: khi báo cáo về mức tiêu thụ năng lượng từ than bitum, tổ chức nên sử dụng hệ số chuyển đổi cho than bitum thay vì than thông thường.

Công bố thông tin 103-4 Cường độ năng lượng

YÊU CẦU

Tổ chức cần phải:

- báo cáo (các) tỷ lệ cường độ năng lượng, bao gồm mức tiêu thụ năng lượng tính theo đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số (tử số) của các đơn vị đó và chuẩn đo cụ thể của tổ chức (mẫu số) được chọn để tính tỷ lệ;
- báo cáo (các) tỷ lệ cường độ năng lượng bao gồm mức tiêu thụ năng lượng trong tổ chức trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn hay cả hai;
- báo cáo các loại tiêu thụ năng lượng được gộp trong (các) tỷ lệ cường độ năng lượng, có thể là nhiên liệu, điện, nhiệt, làm mát hoặc hơi nước.

HƯỚNG DẪN

Tỷ lệ cường độ năng lượng được tính bằng cách lấy mức tiêu thụ năng lượng (tử số) chia cho chuẩn đo cụ thể của tổ chức (mẫu số). Nhiều tổ chức theo dõi tính hiệu quả về môi trường bằng (các) tỷ lệ cường độ.

Tỷ lệ cường độ năng lượng thể hiện lượng năng lượng tiêu thụ trên mỗi đơn vị hoạt động, sản lượng hoặc bất kỳ chuẩn đo cụ thể nào khác của tổ chức.

Tỷ lệ cường độ năng lượng có thể giúp các bên liên quan và tổ chức hiểu được mức độ tiết kiệm năng lượng so với các tổ chức khác, đồng thời hỗ trợ các quyết định đầu tư để đảm bảo mức giảm năng lượng và nâng cao hiệu quả năng lượng.

Tổ chức nên sử dụng dữ liệu về mức tiêu thụ năng lượng được báo cáo theo Công bố thông tin 103-2 và 103-3 để tính (các) tỷ lệ cường độ năng lượng.

Tổ chức nên chọn ranh giới tổ chức nhất quán cho tử số và mẫu số trong tỷ lệ cường độ năng lượng. Để xem ví dụ về cách trình bày thông tin về các yêu cầu trong Công bố thông tin 103-4, hãy tham khảo Bảng 3.

Hướng dẫn về 103-4-a

Ví dụ về tỷ lệ cường độ năng lượng có thể bao gồm:

- [lượng] tiêu thụ nhiên liệu trong tổ chức tính bằng MWh (tử số) trên 100 nhân viên tương đương toàn thời gian (mẫu số);
- [lượng] tiêu thụ điện trong tổ chức và ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị tính bằng megajun (tử số) trên 1 triệu EUR doanh thu (mẫu số).

Các loại chuẩn đo cụ thể của tổ chức (mẫu số) có thể bao gồm:

- đơn vị sản phẩm;
- khối lượng sản xuất (chẳng hạn như tấn, lít, MWh);
- kích thước (chẳng hạn như diện tích mặt sàn theo m²);
- số lượng nhân viên tương đương toàn thời gian;
- đơn vị tiền tệ (chẳng hạn như doanh thu hoặc doanh số).

Các mẫu số phù hợp sẽ khác nhau giữa các ngành hoặc đơn vị kinh doanh trong một tổ chức. Do đó, tổ chức nên chọn mẫu số phù hợp với ngành của mình và tuân thủ các tiêu chuẩn ngành hiện tại. Ví dụ: cường độ năng lượng của hiệu suất xây dựng theo tiêu chuẩn được công nhận hoặc cường độ năng lượng của một quy trình nhất định theo sản lượng của quy trình đó, chẳng hạn như lọc dầu thô hoặc sản xuất xi măng. Khi sử dụng các tiêu chuẩn ngành được công nhận để tính (các) tỷ lệ cường độ năng lượng, tổ chức nên báo cáo các tiêu chuẩn ngành mà tổ chức tuân thủ để tính tỷ lệ và cung cấp thông tin chi tiết về các phương pháp luận được sử dụng và các giả định được đưa ra.

Để hỗ trợ tính minh bạch hoặc khả năng so sánh theo thời gian, tổ chức nên phân tích chi tiết

tỷ lệ cường độ năng lượng theo:

- đơn vị hoặc cơ sở kinh doanh;
- quốc gia;
- nguồn năng lượng;
- loại hoạt động;
- phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn.

Hướng dẫn về 103-4-b

Yêu cầu này nhằm mục đích báo cáo phạm vi của tỷ lệ cường độ năng lượng, qua đó giúp tổ chức lựa chọn phạm vi dữ liệu tiêu thụ năng lượng.

Công bố thông tin 103-5 Mức giảm tiêu thụ năng lượng

YÊU CẦU

Tổ chức cần phải:

- a. báo cáo mức giảm tiêu thụ năng lượng đạt được tính theo đơn vị jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị đó, bao gồm việc mức giảm này có phải do ảnh hưởng từ yếu tố sau đây không và ảnh hưởng như thế nào:
 - i. mức giảm đạt được nhờ các sáng kiến bảo toàn và tiết kiệm năng lượng của tổ chức;
 - ii. các yếu tố khác;
- b. báo cáo các loại tiêu thụ năng lượng được gộp trong mức giảm, có thể là nhiên liệu, điện, nhiệt, làm mát hoặc hơi nước;
- c. báo cáo mức giảm tiêu thụ năng lượng đạt được trong tổ chức, trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn hay cả hai và liệt kê các phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn đạt được mức giảm;
- d. báo cáo mức giảm tiêu thụ năng lượng được ước tính, mô hình hóa hay có nguồn từ các phép đo trực tiếp và các phương pháp mô hình hóa hoặc ước tính được sử dụng, nếu có;
- e. báo cáo năm cơ sở hoặc đường cơ sở để tính mức giảm tiêu thụ năng lượng, bao gồm:
 - i. lý do lựa chọn năm cơ sở hoặc đường cơ sở đó;
 - ii. mức tiêu thụ năng lượng trong năm cơ sở hoặc đường cơ sở;
- f. báo cáo các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng.

HƯỚNG DẪN

Mức giảm tiêu thụ năng lượng có thể liên quan đến việc đặt ra chỉ tiêu. Để biết thêm thông tin về báo cáo chỉ tiêu năng lượng, hãy tham khảo [Hướng dẫn về 103-1-a](#).

Hướng dẫn về 103-5-a

Có thể tính mức giảm tiêu thụ năng lượng bằng cách so sánh mức tiêu thụ năng lượng trong kỳ báo cáo với:

- mức tiêu thụ năng lượng trong năm cơ sở; hoặc
- mức tiêu thụ năng lượng dự kiến khi không có hoạt động giảm bớt nào (đường cơ sở).

Các sáng kiến bảo toàn và tiết kiệm năng lượng có thể bao gồm:

- thiết kế lại quy trình;
- chuyển đổi và nâng cấp thiết bị;
- chuyển đổi nhiên liệu;
- thay đổi hành vi.

Ví dụ về các yếu tố khác bao gồm năng lực sản xuất giảm hoặc thuê ngoài, thay đổi về ranh giới tổ chức và biến động thời tiết ảnh hưởng đến nguồn cung năng lượng.

Tổ chức nên báo cáo tỷ lệ phần trăm giảm tiêu thụ năng lượng so với mức tiêu thụ năng lượng trong năm cơ sở hoặc đường cơ sở.

Tổ chức có thể phân tích chi tiết về mức giảm tiêu thụ năng lượng theo từng sáng kiến bảo

toàn và tiết kiệm năng lượng.

Hướng dẫn về 103-5-b

Tổ chức có thể phân tích chi tiết về mức giảm tiêu thụ năng lượng theo từng loại năng lượng: nhiên liệu, điện, nhiệt, làm mát và hơi nước.

Hướng dẫn về 103-5-c

Yêu cầu này nhằm mục đích báo cáo phạm vi giảm tiêu thụ năng lượng, qua đó giúp tổ chức lựa chọn phạm vi dữ liệu tiêu thụ năng lượng cần báo cáo.

Mức giảm tiêu thụ năng lượng đạt được trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức bao gồm mức giảm đạt được cho từng phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn sau đây từ *Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK [4]*:

Phân loại ở thượng nguồn

1. Hàng hóa và dịch vụ đã mua
2. Tài sản cố định
3. Các hoạt động liên quan đến nhiên liệu và năng lượng (không được đưa vào Công bố thông tin 103-2)
4. Hoạt động vận chuyển và phân phối thượng nguồn
5. Chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động
6. Đi công tác
7. Nhân viên đi lại
8. Tài sản cho thuê ở thượng nguồn

Phân loại ở hạ nguồn

9. Hoạt động vận chuyển và phân phối hạ nguồn
10. Xử lý sản phẩm đã bán
11. Sử dụng sản phẩm đã bán
12. Xử lý khi kết thúc vòng đời sản phẩm đã bán
13. Tài sản cho thuê ở hạ nguồn
14. Nhượng quyền thương mại
15. Đầu tư

Tổ chức nên sử dụng mọi thông tin hợp lý và có thể chứng minh được tại ngày báo cáo để đo lường mức tiêu thụ năng lượng ở thượng nguồn và hạ nguồn.

Tổ chức nên phân tích chi tiết về mức giảm tiêu thụ năng lượng đạt được trong chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức theo từng phân loại ở thượng nguồn và hạ nguồn đạt được mức giảm.

Tổ chức nên xem xét toàn bộ vòng đời của sản phẩm và dịch vụ khi đánh giá mức giảm tiêu thụ năng lượng. Việc này đặc biệt quan trọng đối với các sản phẩm và dịch vụ có mức tiêu thụ năng lượng cao trong quá trình sử dụng vì có khả năng ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng, chẳng hạn như thiết bị điện tử và phương tiện giao thông.

Nếu phù hợp, tổ chức có thể báo cáo mức giảm nhu cầu năng lượng trong giai đoạn sử dụng sản phẩm và dịch vụ, ví dụ như một sản phẩm tiêu thụ ít hơn 10% năng lượng mỗi giờ.

Hướng dẫn về 103-5-f

Tổ chức nên giải thích lý do lựa chọn các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng.

Tổ chức nên trình bày mọi thay đổi về tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và công cụ tính được sử dụng so với (các) kỳ báo cáo trước, bao gồm cả việc cập nhật các mô hình tiêu thụ năng lượng được phát triển để theo kịp những cải tiến về công nghệ.

Thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#). Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI, các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

B

bên liên quan (stakeholder)

cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn *Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.4 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “bên liên quan”.

biện pháp sửa chữa / biện pháp khắc phục (remedy / remediation)

các biện pháp chống lại hoặc khắc phục tác động tiêu cực hoặc thực hiện biện pháp sửa chữa

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Ví dụ: lời xin lỗi, bồi thường tài chính hoặc phi tài chính, ngăn ngừa tác hại thông qua lệnh của tòa án hoặc đảm bảo không tái diễn, các biện pháp trừng phạt (bắt kể hình sự hay hành chính, chẳng hạn như tiền phạt), hoàn trả, phục hồi, cải tạo

C

chất thải (waste)

bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ.

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

Lưu ý 1: Có thể định nghĩa chất thải theo luật pháp quốc gia tại thời điểm phát sinh.

Lưu ý 2: Người nắm giữ có thể là tổ chức báo cáo, một thực thể trong chuỗi giá trị của tổ chức ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn (ví dụ: nhà cung cấp hoặc người tiêu dùng) hoặc một tổ chức quản lý chất thải, cùng nhiều tổ chức khác.

chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) (global warming potential (GWP))

hệ số mô tả tác động bức xạ cưỡng bức (mức độ gây hại cho bầu khí quyển) của một đơn vị khí nhà kính (KNK) nhất định so với một đơn vị khí CO²

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Lưu ý: Giá trị GWP chuyển đổi dữ liệu phát thải KNK của các loại khí không phải CO² thành đơn vị CO² tương đương.

chuỗi cung ứng (supply chain)

phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)

phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

chủ đề trọng yếu (material topics)

Các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.2 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) và [phần 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “chủ đề trọng yếu”.

cộng đồng địa phương (local community)

những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

D**đại diện của người lao động (worker representative)**

người được công nhận là đại diện theo luật pháp hoặc thông lệ quốc gia, bất kể họ là:

- đại diện công đoàn, cụ thể là đại diện được công đoàn hoặc các thành viên của công đoàn đó chỉ định hoặc bầu ra; hoặc
- đại diện được bầu, cụ thể là đại diện được người lao động trong doanh nghiệp bầu một cách tự do theo các quy định của luật pháp quốc gia, quy định hoặc thỏa thuận tập thể, có chức năng không bao gồm các hoạt động được công nhận là đặc quyền độc quyền của công đoàn tại quốc gia có liên quan

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về Đại diện của Người lao động*, 1971 (Số 135)

đối tác kinh doanh (business partner)

thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

đường cơ sở (baseline)

xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng hoặc lượng phát thải dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

G**giảm thiểu (mitigation)**

(các) hành động được thực hiện để giảm mức độ tác động tiêu cực

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Việc giảm thiểu tác động tiêu cực đã xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm mức độ nghiêm trọng của tác động tiêu cực đã xảy ra, cũng như bất kỳ tác động còn sót lại nào cần biện pháp khắc phục. Việc giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm khả năng xảy ra tác động tiêu cực.

giảm tiêu thụ năng lượng (energy reduction)

lượng năng lượng không còn được sử dụng hoặc không còn cần thiết để thực hiện cùng một quy trình hoặc nhiệm vụ so với mức năng lượng đã sử dụng hoặc cần thiết trong năm cơ sở hoặc đường cơ sở

K

khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG))

khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

Lưu ý: KNK là bảy loại khí được quy định trong Nghị định thư Kyoto: cacbon đioxit (CO₂); metan (CH₄); nitơ oxit (N₂O); hydrofluorocarbon (HFC); perfluorocarbon (PFC); lưu huỳnh hexaflorua (SF₆); và nitơ triflorua (NF₃).

kỳ báo cáo (reporting period)

khoảng thời gian cụ thể mà các thông tin trong báo cáo đề cập đến

Ví dụ: năm tài chính, năm dương lịch

M

mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))

Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra).

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem [mục 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “mức độ nghiêm trọng”.

N

năm cơ sở (base year)

Dữ liệu lịch sử (một năm cụ thể hoặc giá trị trung bình trong nhiều năm) được sử dụng làm mốc tham chiếu để theo dõi một phép đo theo thời gian.

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), Tiêu chuẩn Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK, Phiên bản sửa đổi, 2004; đã sửa đổi

Người Bản địa (Indigenous Peoples)

Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của

người lao động (worker)

người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nhà cung cấp (supplier)

thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhân viên (employee)

cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nguồn năng lượng có thể tái tạo (renewable energy source)

nguồn năng lượng có thể được bổ sung trong một khoảng thời gian ngắn thông qua các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp

Ví dụ: sinh khối, địa nhiệt, thủy điện, năng lượng mặt trời, gió

nguồn năng lượng không thể tái tạo (non-renewable energy source)

nguồn năng lượng không thể được bổ sung, tái tạo, phát triển hoặc tạo ra trong một khoảng thời gian ngắn thông qua các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp

Ví dụ: than đá; nhiên liệu chưng cất từ dầu mỏ hoặc dầu thô, ví dụ như xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu máy bay và dầu sưởi ấm; nhiên liệu chiết xuất từ quá trình xử lý khí thiên nhiên và tinh chế dầu mỏ, như butan, propan và khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); khí thiên nhiên, như khí nén thiên nhiên (CNG) và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG); điện hạt nhân.

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)

nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ nghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ: trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

P**phát thải KNK Phạm vi 1 (scope 1 GHG emissions)**

lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK, 2015 và Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK, 2011*

Ví dụ: phát thải CO₂ từ việc tiêu thụ nhiên liệu

Lưu ý: Nguồn KNK là bất kỳ đơn vị thực tế hoặc quy trình nào thải KNK vào khí quyển.

phát thải KNK Phạm vi 2 (scope 2 GHG emissions)

phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp từ việc tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng.

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK, 2015 và Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK, 2011*

phát thải KNK Phạm vi 3 (scope 3 GHG emissions)

phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp (không bao gồm trong phát thải KNK Phạm vi 2) xảy ra ở chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK, 2015 và Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK, 2011*

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)

sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ “tính bền vững” và “phát triển bền vững” được dùng thay thế cho nhau.

Q

quan hệ kinh doanh (business relationships)

mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

quyền con người (human rights)

các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong Tuyên bố về các *Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)*

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem [Hướng dẫn 2-23-b-i trong GRI 2: Công bố Chung 2021](#) để biết thêm thông tin về “quyền con người”.

S

sáng kiến bảo toàn và sử dụng hiệu quả năng lượng (conservation and efficiency initiative)

các sửa đổi về tổ chức hoặc công nghệ cho phép thực hiện quy trình hoặc nhiệm vụ đã xác định theo cách tiêu tốn ít năng lượng hơn

Ví dụ: chuyển đổi và nâng cấp các thiết bị như thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, loại bỏ việc sử dụng năng lượng không cần thiết nhờ thay đổi hành vi, xác lập lại quy trình

T

tác động (impact)

ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem [mục 2.1 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “tác động”.

trẻ em (child)

người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu của ILO*, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu cao:

1. Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), *Biến đổi Khí hậu 2022: Giảm nhẹ Biến đổi Khí hậu. Đóng góp của Nhóm Công tác III cho Báo cáo Đánh giá Thứ sáu của Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí hậu*, năm 2022.
2. Công ước Khung về Biến đổi Khí hậu của Liên Hợp Quốc (UNFCCC), *Hiệp định Paris*, năm 2016.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

3. Biodiversity Consultancy và WWF, *Năng lượng An toàn cho Thiên nhiên: Liên kết năng lượng và thiên nhiên để giải quyết khủng hoảng khí hậu và đa dạng sinh học*, năm 2023.
4. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, năm 2011.
5. Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn cho Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK. Sửa đổi Tiêu chuẩn đối với Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK*, năm 2015.

Phụ lục

Bảng 1. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin cho các mục 103-2-a, 103-2-b và 103-2-c

Bảng 2. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin cho mục 103-2-d

Bảng 3. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin về (các) tỷ lệ cường độ năng lượng

Bảng 1. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin cho các mục 103-2-a, 103-2-b và 103-2-c

			Nguồn năng lượng tái tạo		Nguồn năng lượng không tái tạo		Tổng		
			Nguồn năng lượng 1	Nguồn năng lượng N	Nguồn năng lượng 1	Nguồn năng lượng N			
Mức tiêu thụ nhiên liệu (103-2-a)	Hoạt động 1								
	Hoạt động N								
	Tổng								
Mức tiêu thụ điện mua vào (103-2-b)	Điện								
	Nhiệt								
	Làm mát								
	Hơi nước								
	Tổng								
Mức tiêu thụ điện tái tạo tự sản xuất (103-2-c)	Điện	Hoạt động 1							
		Hoạt động N							
	Nhiệt	Hoạt động 1							
		Hoạt động N							
	Làm mát	Hoạt động 1							
		Hoạt động N							
	Hơi nước	Hoạt động 1							
		Hoạt động N							

Lưu ý: Các ô màu xám biểu thị các mục không áp dụng. “N” cho biết các nguồn năng lượng hoặc hoạt động khác của tổ chức.

Bảng 2. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin cho mục 103-2-d

		Nguồn năng lượng tái tạo		Nguồn năng lượng không tái tạo		Tổng
		Nguồn năng lượng 1	Nguồn năng lượng N	Nguồn năng lượng 1	Nguồn năng lượng N	
Điện tự sản xuất đã bán (103-2-d)	Điện					
	Nhiệt					
	Làm mát					
	Hơi nước					
	Tổng					

Lưu ý: Các ô màu xám biểu thị các mục không áp dụng. “N” cho biết các nguồn năng lượng hoặc hoạt động khác của tổ chức.

Bảng 3. Mẫu ví dụ để trình bày thông tin về (các) tỷ lệ cường độ năng lượng

Mức tiêu thụ năng lượng (jun, watt-giờ hoặc bội số của các đơn vị này)	Phạm vi tiêu thụ năng lượng (trong tổ chức, ở thượng nguồn và hạ nguồn trong chuỗi giá trị, hoặc cả hai)	Loại tiêu thụ năng lượng (nhiên liệu, điện, nhiệt, làm mát hoặc hơi nước)	Chuẩn đo cụ thể của tổ chức	Tỷ lệ cường độ năng lượng



PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org